TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Xuân Lộc.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Bê.
Ông Lý Đình Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 321/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2023/QĐXX-ST ngày 14/11/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Giáp Văn A, sinh năm 1992 (vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Toàn Thị B, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Đều địa chỉ: thôn MH, xã TT, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đều đang lao động, làm việc tại Đ.

Anh A và chi B đều ủy quyền cho chị Chu Thị P, sinh năm 1980; Địa chỉ: thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang giao nhận tài liệu đối với Tòa án (Ủy quyền có xác nhận của Văn phòng Kinh Tế Văn Hóa Việt Nam tại Đ).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Giáp Văn C, sinh năm 1969 (vắng mặt)
- Bà Nông Thị V, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Đều địa chỉ: thôn MH, xã TT, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 31/10/2023, nguyên đơn anh Giáp Văn A trình bày (có xác nhận của Văn phòng Kinh Tế Văn Hóa Việt Nam tại Đ):

Về hôn nhân: Anh và chi B đăng ký kết hôn ngày 22/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chi B về nhà anh làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn năm 2015 anh và chi B cùng đi xuất khẩu lao động tại Đ. Sau khi sang Đ vợ chồng vẫn hòa thuận, nhưng từ đầu năm 2020, anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn, anh chị nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con cái nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi đện khuyên bảo vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh chị đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ giữa tháng 02/2020 đến nay anh và chi B không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Toàn Thị B.

Về con chung: Anh và chi B có 01 con chung là cháu Giáp Văn H, sinh ngày 27/6/2013. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh và ông, bà nội. Sau khi ly hôn anh A đề nghị giao con chung cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng tạm giao cho ông, bà nội (ông C, bà V) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh về Việt Nam sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 31/10/2023, bị đơn chị Toàn Thị B trình bày (có xác nhận của Văn phòng Kinh Tế Văn Hóa Việt Nam tại Đ):

Về hôn nhân: Quá trình đi đến hôn nhân, thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng giống như anh A trình bày. Nay chị và anh A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vì vậy, chị cũng đồng ý yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị của anh A.

Về con chung: Chị và anh A có 01 con chung là cháu Giáp Văn H, sinh ngày 27/6/2013. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh A và ông, bà nội. Sau khi ly hôn chi B đề nghị giao con chung cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Giáp Văn C và bà Nông Thị V trình bày:

Về quá trình đi đến hôn nhân, thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng của anh A, chi B giống như anh A, chi B trình bày.

Cháu H hiện đang sinh sống cùng ông, bà và anh A. Hiện nay ông, bà vẫn đang thay anh A chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Anh A, chi B đi lao động nước ngoài nhưng anh, chị vẫn gửi tiền về cho ông, bà chăm sóc, nuôi dưỡng và thường xuyên gọi điện hỏi thăm cháu. Ông, bà xác định việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H vừa là quyền, nghĩa vụ của ông, bà đối với con cháu nên ông, bà

không yêu cầu anh A, chi B phải trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Ông, bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H thay anh A trong thời gian anh A đi lao động tại nước ngoài.

Cháu Giáp Văn H trình bày: Từ khi sinh ra cho đến nay cháu vẫn sinh sống cùng bố và ông, bà nội. Bố mẹ cháu đều đi lao động tại nước ngoài từ khi cháu còn nhỏ. Quá trình chung sống cùng bố và ông bà cháu được bố và ông bà nội chăm sóc đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần, được cho đi học đầy đủ. Do cháu sinh sống cùng bố và ông bà nội từ nhỏ nên nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở cùng bố và ông, bà nội.

Tại phiên tòa, anh Giáp Văn A, chị Toàn Thị B, ông Giáp Văn C và và bà Nông Thị V vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Giáp Văn A; Bản tự khai của chị Toàn Thị B; Biên bản làm việc với bố, mẹ đẻ của anh Giáp Văn A và cháu Giáp Văn H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 104, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Giáp Văn A.

Xử cho anh Giáp Văn A được ly hôn chị Toàn Thị B.

Về con chung: Do chi B, anh A hiện đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, cháu H có nguyện vọng được ở với bố nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Giáp Văn H, sinh ngày 27/6/2013 cho anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho nhưng tạm giao cho ông Giáp Văn C và bà Nông Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh A về Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Anh A, chi B không đề nghị nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Giáp Văn A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện viên kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh A khởi kiện xin ly hôn chi B và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Anh A, chi B hiện đang lao động tại Đ và có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Giáp Văn A, chị Toàn Thị B, ông Giáp Văn C và và bà Nông Thị V.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Giáp Văn A và chị Toàn Thị B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh A khởi kiện xin ly hôn chi B.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh A với chi B, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chi B, anh A chung sống hạnh phúc và cùng đi xuất khẩu lao động tại Đ. Tuy nhiên, đến đầu năm 2020 thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn đến nay anh, chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không mong muốn chung sống cùng nhau nữa. Do vậy, Hội đồng xác định vợ chồng chi B, anh A không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh A đối với chi B và xử cho anh A được ly hôn chi B là hoàn toàn phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh A, chi B có 01 con chung là cháu Giáp Văn H, sinh ngày 27/6/2013. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh A và ông Giáp Văn C và bà Nông Thị Viên. Sau khi ly hôn anh A đề nghị giao con chung cho anh A nuôi dưỡng. Chi B cũng đề nghị giao con cho chi B chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu được giao trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh A, chi B. Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay anh A, chi B đều đang lao động tại Đ nên không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng con chung được. Trong thời gian anh A, chi B đi lao động ở nước ngoài, con chung vẫn do ông Viên, bà

Chiên trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Ông C, bà V đồng ý nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H giúp anh A trong thời gian anh A đi lao động cho đến khi anh A về nước sinh sống. Mặt khác, cháu H trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với bố và ông bà nội nếu bố mẹ ly hôn. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu được giao trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của chi B, nhưng có căn cứ chấp nhận yêu cầu giao được giao trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của anh A nhưng tạm giao cho ông Giáp Văn C và bà Nông Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh A về Việt Nam là phù hợp với thực tế, phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trường hợp chi B về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, chi B có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn chi B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chi B thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết do chị anh A, chi B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về tài sản chung, công nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét do anh A, chi B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Anh Giáp Văn A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, anh A, chi B đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, ông C, bà V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam có thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1

Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Giáp Văn A được ly hôn Chị Toàn Thị B.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Giáp Văn H, sinh ngày 27/6/2013 cho anh Giáp Văn A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, nhưng tạm giao cho ông Giáp Văn C và bà Nông Thị V chăm sóc, giáo dục cho đến khi anh A về Việt Nam sinh sống.

Sau khi ly hôn, chị Toàn Thị B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chi B thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Giáp Văn A phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000834 ngày 13/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh A đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Anh Giáp Văn A, chị Toàn Thị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Giáp Văn C, bà Nông Thị V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã TT, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Xuân Lộc